

Số: 25/2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 13 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Ban hành Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu**  
**tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*



Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Căn cứ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BKHHCN ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao;

Xét Tờ trình số 7068/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo số 826/BC-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, giải trình ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Dự thảo Nghị quyết Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và chỉ đạo các sở ngành có liên quan hướng dẫn chi tiết và định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 08 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 42/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy

pk

định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 08 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khoá IV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: TC; KH&ĐT, NN&PTNT, TP, CT, KH&CN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các: Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước CN tỉnh Đắk Nông;
- Quỹ Đầu tư và Phát triển tỉnh Đắk Nông;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ-Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CT.HĐND, HC-TC-QT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Trung**





**QUY ĐỊNH**

**Về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**  
(kèm theo Nghị quyết số: 25/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Đối tượng áp dụng: Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi chung là nhà đầu tư), các cơ quan quản lý Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến hoạt động đầu tư.

Danh mục các dự án được ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2. Nguyên tắc chung**

1. Ưu tiên hỗ trợ đầu tư đối với các dự án sử dụng lao động tại địa phương.

2. Hỗ trợ đầu tư vào tỉnh Đắk Nông là hỗ trợ sau đầu tư, Nhà nước hỗ trợ đầu tư theo Quy định này sau khi nhà đầu tư đã hoàn thành dự án, được nghiệm thu theo quy định.

3. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư kể từ khi bắt đầu cho đến khi dự án hoàn thành đưa vào hoạt động.

4. Trường hợp nhà đầu tư được hưởng nhiều mức ưu đãi, hỗ trợ khác nhau về cùng một nội dung ưu đãi, hỗ trợ thì chỉ được hưởng một mức ưu đãi, hỗ trợ cao nhất.

5. Trường hợp chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư chưa được quy định tại Quy định này thì nhà đầu tư được hưởng theo chính sách đang có hiệu lực.

6. Những dự án sau khi hoàn thành và được hưởng hỗ trợ nhưng không hoạt động trong thời gian 03 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động theo đúng mục tiêu đã được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ngoài việc xử lý theo quy định của Luật Đầu tư, chủ dự án phải chịu trách nhiệm bồi hoàn những khoản đã được hỗ trợ của tỉnh.

**Chương II  
CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀO TỈNH ĐẮK NÔNG**



**Điều 3. Hỗ trợ phát triển hạ tầng Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao**

Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ 30% nhưng không quá 05 tỷ đồng/dự án, kinh phí đầu tư theo giá trị quyết toán dự án hoàn thành đối với hạng mục đường giao thông kết nối từ đường chính đến dự án.

2. Hỗ trợ 05% nhưng không quá 30 tỷ đồng/dự án, kinh phí đầu tư theo giá trị quyết toán dự án hoàn thành đối với các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng trong hàng rào dự án.

**Điều 4. Hỗ trợ phát triển hạ tầng Cụm công nghiệp**

Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ 30% nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án, kinh phí đầu tư theo giá trị quyết toán dự án hoàn thành đối với hạng mục đường giao thông kết nối từ đường chính đến dự án.

2. Hỗ trợ 05% nhưng không quá 8 tỷ đồng/dự án, kinh phí đầu tư theo giá trị quyết toán dự án hoàn thành đối với các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng trong hàng rào dự án.

**Điều 5. Hỗ trợ các dự án đầu tư ngoài các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp**

Dự án thuộc danh mục ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này đầu tư ngoài Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp được hỗ trợ 10% nhưng không quá 6 tỷ đồng/dự án kinh phí đầu tư theo giá trị quyết toán dự án hoàn thành đối với các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng.

**Điều 6. Hỗ trợ các dự án thuê mặt bằng trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp**

Dự án thuộc danh mục ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này thuê mặt bằng trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ 100% tiền thuê mặt bằng cho đến khi hoàn thành dự án, có sản phẩm bán ra thị trường, nhưng không quá 24 tháng; trường hợp dự án chậm tiến độ vì những lý do khách quan (*không thuộc trách nhiệm của nhà đầu tư*) thì được xem xét kéo dài thời gian hỗ trợ tiền thuê mặt bằng, nhưng tổng thời gian được hỗ trợ tiền thuê mặt bằng không quá 36 tháng.

2. Hỗ trợ 50% tiền thuê mặt bằng trong 02 năm tiếp theo kể từ khi hết thời gian được hỗ trợ tiền thuê mặt bằng tại khoản 1 Điều này.

*phh*



3. Việc hỗ trợ tiền thuê mặt bằng cho Nhà đầu tư theo khoản 1, 2 Điều này, được thông qua việc bù giá cho nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp để giảm giá cho thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp. Số tiền bù giá được trừ vào số tiền thuê đất của nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp hoặc được cấp bù từ ngân sách địa phương (trong trường hợp mức giảm giá thuê mặt bằng đối với doanh nghiệp vượt quá tiền thuê đất của nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp).

Đối với doanh nghiệp thuê mặt bằng trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp do Nhà nước đầu tư, việc hỗ trợ tiền thuê mặt bằng theo khoản 1, 2 Điều này cho Nhà đầu tư được thực hiện thông qua cơ chế Nhà nước trực tiếp giảm giá cho thuê.

### **Điều 7. Hỗ trợ dự án ứng dụng công nghệ cao**

Dự án ứng dụng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc danh mục ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao ngoài hỗ trợ được hưởng theo quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 Quy định này còn được hỗ trợ như sau:

#### 1. Hỗ trợ về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

Hỗ trợ học phí đào tạo đối với cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật là người lao động địa phương tại các cơ sở đào tạo nghề trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, sau đào tạo được cấp chứng chỉ nghề. Mức hỗ trợ tối đa 50% học phí đào tạo nhưng không quá 15 triệu đồng/người và không quá 10 người/dự án

#### 2. Hỗ trợ về công nghệ và thiết bị:

Hỗ trợ 10% giá trị quyết toán chi phí máy móc thiết bị, nhưng không quá 02 tỷ đồng/dự án.

### **Điều 8. Hỗ trợ đầu tư cơ sở lưu trú du lịch**

Dự án thuộc danh mục ưu đãi và hỗ trợ đầu tư tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này đầu tư xây dựng mới, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ đối với cơ sở lưu trú du lịch được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chuẩn.

1. Hỗ trợ 15 triệu đồng/1 phòng ngủ, nhưng không quá 01 tỷ đồng /1 cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn 3 sao.

2. Hỗ trợ 25 triệu đồng/1 phòng ngủ, nhưng không quá 02 tỷ đồng/1 cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn 4 - 5 sao.

### **Điều 9. Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng**

phh



1. Dự án điểm du lịch cộng đồng đáp ứng yêu cầu về chất lượng dịch vụ theo quy định tại Bộ Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 13259:2020 ban hành kèm theo Quyết định số 3941/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận đủ điều kiện phục vụ khách du lịch được hỗ trợ 20% kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng, mức hỗ trợ tối đa không quá 01 tỷ đồng/điểm du lịch cộng đồng.

2. Hộ kinh doanh là thành viên cộng đồng thuộc điểm du lịch cộng đồng được hỗ trợ 20% kinh phí cải tạo, làm mới các hạng mục phục vụ khách du lịch, mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/hộ kinh doanh.

### **Điều 10. Hỗ trợ tín dụng**

Dự án thuộc các lĩnh vực: chế biến nông sản, chế biến lâm sản sử dụng nguyên liệu từ rừng trồng, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này ngoài hỗ trợ được hưởng theo quy định tại Điều 5 hoặc Điều 6 Quy định này còn được hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư thực tế khoản vay thực hiện dự án tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất theo khoản vay thực tế, nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư dự án.

3. Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng, nhưng không quá 02 năm.

4. Ngân sách tỉnh cấp trực tiếp cho doanh nghiệp phần chênh lệch lãi suất vay mà doanh nghiệp được hỗ trợ và được thực hiện theo hồ sơ thanh toán thực tế giữa doanh nghiệp với ngân hàng thương mại trên cơ sở hợp đồng đã ký; mỗi dự án chỉ được xem xét, hỗ trợ đối với 01 hợp đồng tín dụng. Không thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay (gốc và lãi) quá hạn tính từ thời điểm quá hạn.

### **Điều 11. Miễn tiền thuê đất, xử lý tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các dự án xã hội hoá**

Dự án xã hội hóa thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này được hỗ trợ như sau:

#### **1. Tiền thuê đất**

Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian hoạt động dự án xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh.

#### **2. Về kinh phí giải phóng mặt bằng**

a) Đối với khu đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng: Nhà đầu tư thực hiện dự án xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng, trừ trường hợp trên đất có tài sản công thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật

*pkh*



về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan.

b) Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất tự nguyện ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Nhà nước để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thì việc xử lý tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định tại tiết c, điểm 5, khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

c) Để được hưởng chính sách hỗ trợ về kinh phí giải phóng mặt bằng theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì dự án xã hội hóa phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận phê duyệt.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Kinh phí thực hiện các hỗ trợ đầu tư**

Hàng năm tùy theo khả năng ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh lựa chọn danh mục các dự án ưu tiên thu hút đầu tư trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Quy định này.

#### **Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Dự án đầu tư thực hiện sau khi Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 và Nghị quyết số 42/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực mà chưa được hưởng ưu đãi, hỗ trợ chỉ được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo Quy định này nếu đáp ứng điều kiện hỗ trợ và trình tự, thủ tục quy định tại Quy định này.

2. Dự án đầu tư đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 và Nghị quyết số 42/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì tiếp tục được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo các Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 và Nghị quyết số 42/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Trong trường hợp Trung ương ban hành các chính sách, quy định mới thay thế những chính sách, quy định được viện dẫn trong Quy định này thì áp dụng theo các chính sách, quy định mới của Trung ương.

*pkh*



## Phụ lục

### DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quy định về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

Stt	Danh mục các dự án được ưu đãi và hỗ trợ đầu tư
1	Dự án đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Cụm công nghiệp
2	Dự án chế biến nông sản (có tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)
3	Dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi (có tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)
4	Dự án chế biến lâm sản sử dụng nguyên liệu từ rừng trồng (đặt tại khu, cụm công nghiệp, có tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng trở lên)
5	Dự án chế biến thực phẩm (có tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)
6	Dự án sản xuất cát nhân tạo (có tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)
7	Dự án sản xuất các thiết bị phục vụ cho lĩnh vực năng lượng tái tạo (có tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)
8	Dự án sản xuất gạch, ngói không nung có công suất trên 20 triệu sản phẩm/năm
9	Dự án sản xuất các sản phẩm sau nhôm, bao gồm: sản xuất nhôm định hình, sản xuất dây cáp điện, sản xuất linh kiện thiết bị công nghiệp sử dụng nhôm, sản xuất các thiết bị phục vụ sinh hoạt sử dụng nhôm và hợp kim nhôm, sản xuất các sản phẩm bao bì có sử dụng nhôm (có tổng mức đầu tư 60 tỷ đồng trở lên, không tính chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng)
10	Dự án đầu tư xây dựng khu, điểm du lịch; khu nghỉ dưỡng (resort) có diện tích từ 03 ha trở lên
11	Dự án đầu tư xây dựng mới, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ đối với cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn từ 3 sao trở lên

plh



12	Dự án Hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng
12.1	<i>Dự án du lịch cộng đồng</i>
12.2	<i>Nhà đầu tư làm du lịch homestay có quy mô đón, phục vụ cùng lúc tối thiểu từ 40 khách lưu trú trở lên</i>
12.3	<i>Hộ kinh doanh làm du lịch homestay và du lịch canh nông có quy mô đón, phục vụ cùng lúc tối thiểu từ 20 khách lưu trú trở lên</i>
13	Dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cụ thể như sau:
13.1	<i>Lai tạo giống cây trồng, vật nuôi để tạo ra giống cây, con mới có đặc tính ưu việt</i>
13.2	<i>Nhân giống bằng công nghệ nuôi cấy mô</i>
13.3	<i>Dự án ứng dụng kỹ thuật canh tác không dùng đất</i>
13.4	<i>Dự án ứng dụng công nghệ tưới phun, tưới nhỏ giọt, có hệ thống điều khiển tự động, bán tự động</i>
13.5	<i>Dự án ứng dụng công nghệ nhà kính, nhà lưới, nhà màng có hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động</i>
14	Dự án xã hội hoá thuộc các lĩnh vực: giáo dục, y tế